TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-11-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03-6-2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 01-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18-10-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1995; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Trọng S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bùi Thị Thu T trình bày: Chị và anh Lê Trọng S chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 12-02-2014, tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình sống chung, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh S ly thân từ năm 2017 nên yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê

Trọng S. Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 20-12-2014, hiện đang ở với chị nên có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Trọng S: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Trọng S. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 20-12-2014 cho chị Bùi Thị Thu T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Bùi Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Lê Trọng S, đồng thời, chị T và anh S có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*; anh S có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Bùi Thị Thu T, thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Trọng S kết hôn tự nguyện, không ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 12-02-2014, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh

Đắk Nông là hợp pháp và có thật. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ly thân từ năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S được triệu tập hợp lệ để giải quyết yêu cầu của chị T nhưng vắng mặt, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 20-12-2014, hiện đang ở với chị T, hiện tại cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị Bùi Thị Thu T không yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T.

1.1 Vệ quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Trọng S.

1.2 Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 20-12-2014 cho chị Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng: Anh Lê Trọng S không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003360, ngày 23-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh